

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HC-ST

Ngày 27 - 11 - 2024

V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành và ông Đào Tiến Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST-HC ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Phạm Thị V, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- **Người bị kiện:** Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H; địa chỉ: Số A, đường Q, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T; chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1; chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H (Giấy ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2014), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn L; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn X; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Cụ Phạm Văn C (Chết năm 1992), cụ Phạm Thị P (Chết năm 2010) hai cụ sinh 04 người con gồm: Các bà Phạm Thị T2, Phạm Thị V, Phạm Thị T3, Phạm Thị N. Khi còn sống hai cụ tạo lập được thửa đất số 21, tờ bản đồ PL9, diện tích 197m² tại tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Ngày 30/09/1987, cụ Phạm Văn C viết “Giấy chuyển nhượng thổ cư cho các con” với nội dung: Sang nhượng 197m² đất tại địa chỉ tổ dân phố Đ, thị trấn H (N là phường H) cho con Phạm Thị V. Từ năm 1981, bà V sử dụng thửa đất ổn định, cải tạo, trồng rau nuôi cá, cùng chồng con sinh sống trên thửa đất này, tất cả anh em trong nhà biết, không ai có ý kiến gì, hàng xóm và chính quyền địa phương đều nắm rõ.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam đã làm thủ tục hợp pháp, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Ngày 01/06/2006, bà V được UBND huyện D (Nay là UBND thị xã D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE209016 đối với thửa đất số 21, tờ phụ lục bản đồ số 09, với diện tích 196,9m² tại phố Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Ngày 01/10/2013, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà V; với lý do không đủ giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Bà V cho rằng việc UBND huyện D thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V là không đúng nên bà V gửi đơn khiếu nại nhiều lần tới người có thẩm quyền (Chủ tịch UBND tỉnh H, Chủ tịch UBND thị xã D, Chủ tịch UBND phường H và gửi đơn khiếu nại đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã D) để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 20/10/2023, Văn phòng Đ Chi nhánh thị xã D ban hành Công văn số 231/CV-CNDT, với nội dung: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V không có một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai 2013, nên không đủ căn cứ để trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V. Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 231/CV-CNDT ngày 20/10/2023 của Văn phòng Đ Chi nhánh thị xã D; Buộc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 09, tại phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Quan điểm của người bị kiện Văn phòng Đ xác định: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị V, đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ PL9 tại tổ dân phố số D, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND huyện D (Nay là thị xã D) về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Phạm Thị V; Văn bản số 95/UBND-VP ngày 27/02/2019 của UBND huyện D (Nay là thị xã D) về việc trả lời và hướng dẫn công dân; Thông báo nộp thuế số 47552/TB-CCT ngày 03/6/2014 của Chi cục thuế huyện D; Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Trích lục bản đồ địa chính lập năm 2009, thửa đất số 21, tờ bản đồ PL9; Biên bản làm việc và Giấy xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Ghi năm 2005 không có chứng thực của UBND thị trấn H tại thời điểm đó).

Ngày 20 tháng 10 năm 2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D ban hành Công văn số 231/CV-CNĐT trả lời bà Phạm Thị V, với nội dung: Hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Lần đầu) của bà Phạm Thị V không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D không có đủ căn cứ để trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V.

Theo Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP (Được bổ sung bởi khoản 16, khoản 17 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP) quy định giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 8 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu; căn cứ các loại giấy tờ bà Phạm Thị V đã nộp trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, thì việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D trả lời bà Phạm Thị V tại Công văn số 231/CV-CNĐT ngày 20/10/2023 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D ban hành Công văn số 449/TB-CNĐT thu hồi Văn bản số 231/CV-CNĐT ngày 20 tháng 10 năm 2023 và đề nghị bà Phạm Thị V liên hệ với Ủy ban nhân dân thị xã D để được hướng dẫn giải quyết, với lý do: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2024, Ủy ban nhân dân thị xã D là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn thị xã D.

Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND thị xã D và UBND phường H) đều xác định: Về thửa đất bà Phạm Thị V đang sử dụng có nguồn gốc của vợ chồng cụ Phạm Văn C, Phạm Thị P. Theo Bản đồ địa chính thị trấn H lập năm 1989 là thửa đất số 204, tờ bản đồ 02, diện tích 717m²

(Trong đó đất thổ cư: 148m², đất thổ canh: 352m², đất ao: 217m²) ghi tên ông C. Trong quá trình sử dụng đã bán đi một phần diện tích của thửa đất.

Năm 2002, đo đạc hiện trạng, hoàn thiện hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại được tách thành 02 thửa, gồm: Thửa số 23, diện tích 184m² đất ở, ghi tên bà T3 (Em gái bà V) và thửa đất số 21, diện tích 169,9m² ghi tên bà P (Mẹ đẻ bà V).

Quá trình xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị V: Thực hiện Kế hoạch 566/KH-UB ngày 05/8/2003 của UBND tỉnh H về việc xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp, hoàn thành công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND phường H, hộ bà Phạm Thị V có tên trong danh sách đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện D phê duyệt tại Quyết định số 480/2005/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phạm Thị V. Tại thời điểm làm thủ tục để cấp giấy, bà V có xuất trình cho UBND thị trấn H (Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất) lập năm 2005, ký tên người làm giấy là Phạm Thị P, ký tên Phạm Thị T3, Phạm Thị V không có chứng thực của UBND thị trấn H tại thời điểm đó.

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Phạm Thị V: Căn cứ Điều 636; khoản 1, Điều 639 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003 thì các giấy tờ do bà V cung cấp khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không thực hiện đúng quy định. Việc Hội đồng đăng ký đất đai thị trấn H không thẩm tra các giấy tờ trên đã đưa hộ bà V thuộc diện đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận trình UBND huyện phê duyệt để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ pháp luật. Do vậy, ngày 01/10/2013, UBND huyện D ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Phạm Thị V.

Sau khi thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà V đã có đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khiếu nại Quyết định số 180/QĐ-UBND của UBND huyện D về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/3/2019, UBND thị xã D đã có Văn bản số 95/UBND-VP về việc trả lời và hướng dẫn bà Phạm Thị V nộp hồ sơ thực hiện đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đến nay bà Phạm Thị V không phối hợp cung cấp các loại giấy tờ (Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất) theo quy định để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân thị xã D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân phường H xác định: Ngày 17/12/2021, UBND phường H nhận được Công văn số 1313/UBND-VP về việc chuyển đơn kiến nghị phản ánh; ngày 20/12/2021 UBND phường H cũng nhận được đơn của bà Phạm Thị V cùng có nội dung đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp

lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 21, tờ bản đồ số PL 9, tại phường H, thị xã D.

Ngày 11/01/2022, UBND phường H đã phối hợp với Phòng T thị xã tổ chức buổi làm việc với bà Phạm Thị V, các đại biểu đã phân tích, giải thích, hướng dẫn các quy định của pháp luật về đất đai để bà Phạm Thị V hiểu và chấp hành. Cũng tại buổi làm việc UBND phường đã hướng dẫn công dân thực hiện theo đúng Văn bản số 95/UBND-VP, ngày 27/2/2019 của UBND huyện D về việc trả lời và hướng dẫn công dân. Để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bà Phạm Thị V phải nộp hồ sơ tại UBND phường H để kiểm tra và thực hiện theo trình tự, thủ tục gồm: Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Có mẫu ban hành kèm theo Thông tư 24/TT-BTNMT ngày 19/5/2014); Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 được UBND cấp xã xác nhận đã sử dụng trước ngày 15/10/1993.

Tại buổi làm việc, bà Phạm Thị V đã rõ, nhất trí các nội dung và đề nghị UBND phường H tổ chức một buổi hòa giải để chị, em bà thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và kê khai đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tháng 5/2022, bà Phạm Thị V xây, sửa nhà tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số PL9 thì bà Phạm Thị T3 em gái bà V đã gửi đơn đến UBND phường H đề nghị ngăn chặn việc xây dựng trên diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số PL9, diện tích 197m², tại phố Đ, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố số D, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam). Ngày 13/5/2022, UBND phường H mời bà V và bà T3 đến làm việc liên quan đến nội dung đơn của bà T3. Tại hội nghị UBND phường tiếp tục hướng dẫn cho hai bà về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để các bà rõ và thực hiện.

Tuy nhiên, đến nay các chị em của bà Phạm Thị V chưa thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của thửa đất đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để tạo điều kiện cho các bên đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện và người bị kiện đều không thống nhất quan điểm giải quyết vụ án nên Tòa án không lập biên bản tiến hành đối thoại thành.

Tại phiên toà, bà Phạm Thị V xác định đã nhận được Thông báo số 449/TB-CNDT ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D về việc “Thu hồi Văn bản số 231/CV-CNDT ngày 20 tháng 10 năm 2023” và nhất trí không có ý kiến gì; đồng thời, rút một phần yêu cầu khởi

kiện đề nghị huỷ Văn bản số 231/CV-CNDT ngày 20 tháng 10 năm 2023 của 2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D và tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 09, địa chỉ ở phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo uỷ quyền của UBND phường H xác định: Thửa đất bà Phạm Thị V có nguồn gốc của bố mẹ đẻ bà V để lại và hiện đang có tranh chấp giữa các chị em gái của bà V; địa phương đã nhiều lần yêu cầu bà V khởi kiện đến Tòa dân sự để giải quyết hoặc các chị em của bà V tự thoả thuận bằng văn bản gửi đến UBND phường để được giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, bà V không nhất trí. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 173 và điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc huỷ Công văn số 231CV-CNDT ngày 22/10/2013 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D và bác yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu Văn phòng Đ Chi nhánh thị xã D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V. Án phí hành chính sơ thẩm do bà Phạm Thị V là người cao tuổi nên miễn án phí cho bà V theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (UBND) thị xã D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính. Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đối với các yêu cầu của người khởi kiện còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ Công văn số 231/CV-CNDT ngày 20/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D thì thấy: Ngày 19 tháng 11 năm 2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D đã ban hành Thông báo số 449/TB-CNDT về việc thu hồi Văn bản số 231/CV-CN-DT ngày 20 tháng 10 năm 2023 và tại phiên tòa bà Phạm Thị V

nhất trí với Thông báo số 449/TB-CN-DT; đồng thời, rút yêu cầu khởi kiện này trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc; đồng thời, không khởi kiện Thông báo số 449/TB-CNDT nên Hội đồng xét xử không xem xét Thông báo số 449/TB-CNDT và căn cứ khoản 2 Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính; đình chỉ yêu cầu khởi kiện hủy Công văn số 231/CV-CNDT ngày 20/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Hà Nam.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 09, tại phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, thì thấy: Nguồn gốc diện tích 196,9m² đất là của cụ Phạm Văn C và cụ Phạm Thị P (Bố mẹ đẻ bà V). Ngày 16 tháng 12 năm 2005, bà Phạm Thị V được UBND huyện D (Nay là thị xã D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 480/2005/QĐ-UBND.

Ngày 01/10/2013, UBND huyện D, tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Phạm Thị V do khi làm thủ tục cấp giấy không thực hiện đúng quy định tại các Điều 636 và 639 của Bộ luật Dân sự năm 1995 và khoản 2 Điều 129 của Luật Đất đai năm 2003.

Xét thấy, thửa đất bà Phạm Thị V đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bố mẹ bà V và chưa được cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Căn cứ Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013 và điểm b khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2024, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H không phải là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Lần đầu). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đề nghị Tòa án buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bà Phạm Thị V là người cao tuổi (Trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho bà V theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đề nghị Tòa án hủy Công văn số 231/CV-CNDT ngày 20/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D, tỉnh Hà Nam.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đề nghị Toà án buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V, đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 09, tại phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị V không phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tòa HC; Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy